TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2021/DS-PT
Ngày 16 tháng 7 năm 2021
V/v: Tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;
Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh LS.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5429/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1962, cư trú tại số 9/166, tổ 8, khối 9, đường MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đăng V: Bà Vy Thị H, sinh năm 1962. Trú tại: số 9/166, tổ 8, khối 9 đường MS, phường VT, TP LS, tỉnh LS (văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1963, cư trú tại số nhà 30, tổ 7, khối 9, đường MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị M: Luật sư Nguyễn Thế Quyền - Văn phòng luật sư Nguyễn Thế Quyền thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố LS, tỉnh LS.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố LS: Bà Nguyễn Ngọc H, chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường thành phố LS; vắng mặt.

- Ông Phạm Trọng Kh, sinh năm 1945; trú tại: Ngõ 2, tổ 2, khối 9, MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; có mặt.

- Bà Phạm Thị Kh1, sinh năm 1950; trú tại: Tổ 8, khối 9, MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Kh1: Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1970. Trú tại khối 9, MS, phường VT, TP LS, tỉnh LS (con gái bà Kh1 - theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020); có mặt.

- Bà Phạm Thị D (C), sinh năm 1953; trú tại: Số nhà 32, tổ 7, khối 9, MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D (C): Bà Vi Thị Mai P, sinh năm 1961. Trú tại: Ngõ 147, tổ 7, khối 9, đường MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; có mặt.

- Bà Lộc Thị Th1, sinh năm 1958; anh Phạm Văn Gi (Phạm Mạnh Gi), sinh năm 1984; anh Phạm Văn D (Phạm Quang D), sinh năm 1987 (là vợ và các con của ông I - đã chết); cùng trú tại: Số 145, tổ 8, khối 9, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn Gi, anh Phạm Văn D, ông Phạm Trọng Kh: Bà Nguyễn Kim V, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 10/28/212 đường AĐ, khu ĐC, phường ĐG, quận NQ, thành phố HP; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị S (X); trú tại: Tổ 22, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S: Ông Nguyễn Đăng V (em trai bà S và là nguyên đơn trong vụ án - văn bản ủy quyền ngày 10/2/2020).

- Chị Nguyễn Mỹ H1; trú tại: Số nhà 30, tổ 7, khối 9, đường MS, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hương: Bà Hoàng Thị M (mẹ đẻ chị H1, bị đơn trong vụ án - văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019); có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng V, ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Gi và bà Nguyễn Thị S (X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/01/2019, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V trình bày: Mẹ của ông là cụ Đặng Thị Ng có hai người chồng:

- Người chồng thứ nhất là cụ Phạm Văn Kh, hai cụ sinh được 05 người con chung, gồm các ông bà: Phạm Trọng Kh, Phạm Thị Kh2, Phạm Thị Kh1, Phạm Thị D (C), Phạm Công I. Năm 1957, cụ Phạm Văn Kh chết;

- Người chồng thứ hai tên là cụ Nguyễn Đăng Kh3, hai cụ sinh ba người con chung, gồm: Nguyễn Thị S (X), Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng L (tức L1).

Vào năm 1980 - 1981, gia đình ông gồm 08 người gồm: Ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh2, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D (C), ông Phạm Công I, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Đăng V, ông Nguyễn Đăng L (L1) được hợp tác xã nông nghiệp Điền Sơn giao 780m^2 đất vườn tại MS - ĐK (nay là tổ 7, khối 9, phường VT).

- Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.557,7m^2 phường VT, thành phố LS là của ông bà ngoại cho mẹ của ông là cụ Đặng Thị Ng.

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 phường VT, thành phố LS nguồn gốc là do Hợp tác xã Điền Sơn giao cho hộ gia đình ông từ năm 1980 - 1981.

- Thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2, địa chỉ: Tổ 6, khối 8, phường ĐK, thành phố LS có nguồn gốc là do Hợp tác xã Điền Sơn giao cho hộ gia đình ông từ năm 1980 - 1981. Diện tích đất này do ông Đinh Cao B và ông Nguyễn Đăng L tự thỏa thuận đổi đất cho nhau không có giấy tờ, thời gian đổi đất khoảng năm 1993 (không nhớ rõ năm đổi).

- Đối với thửa số 44, diện tích 343,5m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hoàng Thị M, diện tích đất này đã được xét xử bằng Bản án số 59/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh LS, Bản án xử giao cho bà Hoàng Thị M quản lý sử dụng. Hiện nay ông đang có đơn gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đến nay vẫn chưa có kết quả.

Đầu năm 1993, bố ông là cụ Nguyễn Đăng Kh3 chết, tháng 11/1993 mẹ là cụ Đặng Thị Ng chết. Sau khi mẹ ông mất được một năm thì em trai ông là Nguyễn Đăng L cũng chết. Tháng 6 năm 1995 ông có đi đăng ký quyền sử dụng đất thổ cư và đất vườn nông nghiệp của mẹ và của gia đình ông do hợp tác xã cấp thì được bà Hoàng Thị M (là vợ của ông Nguyễn Đăng L) cho biết cụ Đặng Thị Ng đã có di chúc để lại toàn bộ đất đai, nhà cửa, bao gồm cả đất hợp tác xã cấp cho gia đình có tên gia đình ông năm 1980 - 1981 cho em trai ông là Nguyễn Đăng L cùng bà Hoàng Thị M. Trong khi vào năm 1990, bà Hoàng Thị M về gia đình ông làm dâu không có đăng ký kết hôn.

Năm 2006, ông viết đơn khởi kiện ra Tòa án thành phố LS yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Đặng Thị Ng để lại và chia tài sản chung của các thừa kế. Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố LS thụ lý số 46/2006/TLST-DS ngày 10/10/2006. Ngày 04/6/2007, Tòa án nhân dân thành phố LS đã có Quyết định số 13/2007/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án với lý do thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết và chưa đủ điều kiện khởi kiện chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Ông đã kháng cáo quyết định này, ngày 16/8/2007 Tòa án nhân dân tỉnh LS có Quyết định số 42/2007/QĐPT-DS giải quyết xác định việc khởi kiện đòi chia di sản thừa kế đã hết thời hiệu 10 năm nên Tòa án không thụ lý giải quyết là đúng. Còn việc yêu cầu chia tài sản chung thì đương sự có quyền khởi kiện nếu chứng minh được khối tài sản chung của cụ Đặng Thị Ng và cụ Nguyễn Đăng Kh3 hoặc di chúc cụ Đặng Thị Ng lập ngày 22/7/1993 là không hợp pháp.

Quá trình sử dụng tài sản, sau khi tranh chấp kiện thừa kế không thành, bà

Hoàng Thị M đã đứng tên đăng ký sử dụng diện tích 2.029,2m^2 tại phường ĐK là tài sản chung được Hợp tác xã cấp cho gia đình cụ Đặng Thị Ng. Việc đăng ký này khác phường nên ông không biết có thông tin việc bà Hoàng Thị M đứng tên cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất trên nên không thể có đơn phản hồi được.

Trước đó, ngày 24/6/1999, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố LS cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00130, chứng nhận cho bà Hoàng Thị M diện tích 780,8m^2 tại phường VT cũng là diện tích cấp cho các thành viên của hộ cụ Đặng Thị Ng những năm 1980 - 1981. Việc cấp này không công khai dân chủ mà cấp vào đợt xét duyệt cho diện tích đất xâm canh nên gia đình ông không thể phát hiện sai phạm để yêu cầu dừng việc cấp giấy chứng nhận này.

Ngày 29/6/2017, Trung tâm Tư vấn giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có bản kết luận giám định số 21/2017/TTTVGĐ DS khẳng định chữ viết và chữ ký của ông Đặng Văn H có trong di chúc lập ngày 22/7/1993 của cụ Ng không phải do ông H viết so với mẫu chữ viết và chữ ký của ông Đặng Văn H trong bản di chúc. Đối chiếu với quy định của pháp lệnh thừa kế năm 1990 là luật áp dụng khi cụ Đặng Thị Ng lập di chúc thì di chúc được cho là do cụ Ng lập ngày 22/7/1993 do bà Hoàng Thị M viết hoàn toàn vô hiệu vì:

Di chúc do ông Đặng Văn H, Đặng Văn Th1 chứng kiến là người thuộc hàng thừa kế của cụ Ng nên không được chứng kiến việc lập di chúc viết hộ vi phạm điều cấm của pháp luật. Chữ ký và chữ viết của ông Đặng Văn H trong bản di chúc không phải do ông H viết ra. Đó là chữ viết và chữ ký giả mạo, di chúc giả mạo nên không có hiệu lực pháp luật. Việc xác nhận của UBND xã ĐK lúc đó không phải là việc xác nhận tại chỗ và chứng kiến việc cụ Ng đồng ý và ký vào di chúc ngày 22/7/1993 mà mãi đến ngày 28/7/1993 bà M hoặc ông L là người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc mới mang lên xã xin đóng dấu xác nhận là vi phạm điều luật của Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Từ ba căn cứ này đủ cơ sở để khẳng định bản di chúc ngày 22/7/1993 được cho là di chúc của cụ Đặng Thị Ng là vi phạm pháp luật, vô hiệu.

Mặt khác phần diện tích đất nông nghiệp Hợp tác xã Điền Sơn chia cho các đồng sử dụng đất năm 1980 - 1981 trong gia đình cụ Đặng Thị Ng chưa có ai viết giấy tờ đồng ý cho cụ Đặng Thị Ng hay ông Nguyễn Đăng L, bà Hoàng Thị M. Vì vậy việc bà Hoàng Thị M chiếm giữ tài sản trên và đã đăng ký đứng tên quyền sử dụng một phần diện tích là trái pháp luật. Nay ông Nguyễn Đăng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH03743 do UBND thành phố LS, tỉnh LS cấp ngày 31/12/2015 cho bà Hoàng Thị M, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 địa chỉ khối 8, phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00130 do UBND thành phố LS, tỉnh LS cấp ngày 24/6/1999 cho bà Hoàng Thị M.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất tranh chấp là: 1.577,7m^2 tại số 30, tổ 7, khối 9, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS trong đó có: 1.177,7m^2 đất

vườn và 400m^2 đất ở đã xây ngôi nhà cấp bốn, bếp, công trình phụ và tài sản khác trên đất (Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Yêu cầu bà Hoàng Thị M trả lại toàn bộ nhà đất là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Ng cũng như toàn bộ đất là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình cụ Đặng Thị Ng được giao năm 1980 - 1981 cho các thừa kế và các con cháu cụ Ng là bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn Gi, anh Phạm Văn D, ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đăng V.

- Chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị Ng để lại cho các con cụ Đặng Thị Ng theo pháp luật.

- Chia tài sản chung của các thành viên hộ gia đình cụ Đặng Thị Ng được giao năm 1980 - 1981 cho các con cụ Đặng Thị Ng là bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn Gi, anh Phạm Văn D, ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đăng V.

Bị đơn bà Hoàng Thị M trình bày: Mẹ chồng bà là cụ Đặng Thị Ng có hai đời chồng, người chồng thứ nhất tên là Phạm Văn Kh, sinh được năm người con tên là Phạm Trọng Kh, Phạm Công I, Phạm Thị Kh2, Phạm Thị Kh1, Phạm Thị D (C). Sau khi cụ Phạm Văn Kh mất (không nhớ chết năm nào) cụ Đặng Thị Ng đã bán toàn bộ tài sản là nhà đất của cụ Phạm Văn Kh cho bà dì là Đặng Thị T, địa chỉ: Ngõ 145, khối 9, đường MS, phường VT, thành phố LS. Do vậy cụ Ng và cụ Kh hiện nay không còn có tài sản chung gì.

Người chồng thứ hai tên là Nguyễn Đăng Kh3, sinh được ba người con tên là Nguyễn Thị X, Nguyễn Đăng V, Nguyễn Đăng L. Cụ Nguyễn Đăng Kh3 và cụ Đặng Thị Ng đã tự ý chung sống với nhau trên 1,2 mẫu ruộng ở Cầu Đen, huyện CL, tỉnh LS. Ông bà không tiến hành cưới xin và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 1964 sau khi sinh ra anh Nguyễn Đăng L, cụ Ng và cụ Kh3 có sự khúc mắc, ly thân rồi bỏ nhau. Khi bỏ nhau cụ Kh3 và cụ Ng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản và con cái, về con cụ Nguyễn Đăng Kh3 mang theo bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Đăng V để nuôi dưỡng, do anh Nguyễn Đăng L còn nhỏ nên ở lại sống với cụ Đặng Thị Ng.

Về tài sản cụ Nguyễn Đăng Kh3 đã lấy 1,2 mẫu ruộng của riêng ông ở Cầu Đen, huyện CL sau này ông đưa vào hợp tác xã. Sau khi bỏ nhau cụ Đặng Thị Ng về MS được ông ngoại cho mảnh đất, đến năm 1997 địa chính đo đạc thể hiện rõ thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, có diện tích là 1.577,7m^2, phường VT, thành phố LS hiện nay tài sản này bà đang quản lý và sử dụng, bà đã xây nhà năm 2013 và trồng các loại cây ăn quả trên thửa đất đó. Thửa đất số 27 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do vào quy hoạch. Hiện nay UBND thành phố LS đã có Quyết định thu hồi hai thửa đất số 27, 28 để làm khu tái định cư khối 9, phường VT.

Về nguồn gốc của mảnh đất này là của ông bà ngoại cho cụ Đặng Thị Ng, khi cho không có giấy tờ. Thửa đất này là đất thổ cư không đưa vào hợp tác xã. Đến tháng 11 năm 1993 cụ Đặng Thị Ng chết, trước khi chết cụ đã lập di chúc ngày 22/7/1993 cho vợ chồng bà quản lý và sử dụng. Nay chồng bà đã mất từ

năm 1994, tài sản này thuộc quyền sở hữu của 2 mẹ con bà. Khi lập di chúc vì cụ Ng sức khỏe yếu nên đề nghị bà viết theo ý kiến của cụ đưa ra trước sự chứng kiến của anh Đặng Văn Th1 là cháu trai ruột của cụ Đặng Thị Ng và ông Đặng Văn H là anh trai ruột cụ Đặng Thị Ng, khi viết xong bà đã đọc toàn bộ nội dung bản di chúc cho mọi người cùng nghe, cụ Ng đồng ý với nội dung bản di chúc này, nên cụ đã cầm bút viết sau bản di chúc mẹ đã ký và ký chữ ký vào bản di chúc, đồng thời người làm chứng đã ký vào bản di chúc. Sau 01 tuần cụ Đặng Thị Ng đưa hộ khẩu và bản di chúc ra UBND phường để xác nhận. Bà không có ý kiến gì về bản di chúc này vì đã được giám định trong vụ án chia thừa kế và chia tài sản chung vào năm 2007, nay bà không yêu cầu giám định bản di chúc.

Đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, có diện tích 437,3m^2, phường VT: Nguồn gốc thửa đất là của hợp tác xã giao cho hộ cụ Đặng Thị Ng vào năm 1981 để canh tác, trước năm 1980 bà không biết gì về việc giao khoán thửa đất này. Đến tháng 10 năm 1990, khi bà về làm dâu gia đình cụ Ng chỉ có 2 mẹ con là cụ Đặng Thị Ng và anh Nguyễn Đăng L. Đến cuối năm 1994, hợp tác xã tan bà là người vẫn trực tiếp quản lý và sử dụng. Sau khi hợp tác xã tan chủ cũ không có yêu cầu đòi lại quản lý. Khoảng năm 1997 - 1998 nhà nước thông báo ai đang quản lý đất nông nghiệp thì đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đã đến UBND phường VT đăng ký, kê khai theo yêu cầu. UBND thị xã LS (nay là thành phố LS) xét thấy có đủ điều kiện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất này vào ngày 24/6/1999.

Đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 tại tổ 6, khối 8 phường ĐK, thành phố LS: Nguồn gốc là của Hợp tác xã giao khoán cho ông Đinh Cao B (ông B đã chết năm 2018) theo khoán 10, còn diện tích ruộng khoảng 06 sào tại khối 5 thị trấn CL, huyện CL có nguồn gốc là của ông Đinh Cao B đưa vào Hợp tác xã để làm ăn chung, 02 diện tích đất ruộng nay đã được ông Đinh Cao B và ông Nguyễn Đăng L đổi diện tích đất ruộng cho nhau để tiện cho việc sản xuất, có xác nhận của Ban chủ nhiệm của hợp tác xã Điền Sơn. Khi hợp tác xã Điền Sơn giao khoán cho các hộ gia đình canh tác không có giấy tờ và quyết định gì, chỉ cấp cho mỗi hộ gia đình một quyển sổ nộp thuế. Sau khi mẹ chồng và chồng bà chết, bà và con gái Nguyễn Mỹ H1 là người quản lý trực tiếp thửa đất này. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ông cụ Nguyễn Đăng Kh3 chết, toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Đăng Kh3 gồm có: Ruộng, vườn, nhà và đồi của cụ Nguyễn Đăng Kh3, ông Nguyễn Đăng V là người trực tiếp quản lý và hưởng toàn bộ. Tất cả các anh chị em sau khi xây dựng gia đình, tách hộ khẩu ra ở riêng đều được hợp tác xã Điền Sơn giao cho đất ruộng, đất vườn làm nhà ở và quản lý từ đó đến nay. Do đó bị đơn bà Hoàng Thị M không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D (C), bà Nguyễn Thị X, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn Gi, anh Phạm Văn D cùng quan điểm với các yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Mỹ H1 nhất trí với

phần trình bày của bị đơn Hoàng Thị M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố LS, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố LS là ông Nguyễn Trung K trình bày: Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H: 00130 QSDĐ/86/1999/QĐ-UB(H), do UBND thị xã LS (nay là thành phố LS) cấp ngày 24/6/1999 đối với thửa số 44, diện tích 343,5m^2 tờ bản đồ số 09 và thửa số 28, diện tích 437,3m^2 tờ bản đồ 16, bản đồ địa chính phường VT mang tên hộ bà Hoàng Thị M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CH:03743, do UBND thành phố cấp ngày 21/12/2015 đối với thửa đất số 13, diện tích 2.029,2m^2, tờ bản đồ địa chính số 05, phường ĐK mang tên hộ bà Hoàng Thị M là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đăng V yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không có căn cứ.

Đối với diện tích đất tranh chấp 1577,7m^2 tại thửa số 27, tờ bản đồ 16, địa chỉ số 30, tổ 7, khối 9, phường VT, thành phố LS, tỉnh LS chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có quy hoạch, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Đặng Văn Th1 trình bày: Ông có quan hệ anh em họ hàng với ông Nguyễn Đăng V, bố của ông Th1 là anh trai ruột của cụ Đặng Thị Ng. Ngày 22/7/1993 ông L được mẹ nhờ đã sang gọi ông và bác Đặng Văn H sang nhà cụ Ng, lúc đó cụ Ng đang ở cùng ông L và bà M. Cụ Ng thảo luận và đưa ra việc lập di chúc để lại, do cụ Ng chỉ biết ít chữ nên yêu cầu bà M viết di chúc theo ý kiến của cụ Ng. Sau khi lập xong bà M đã đọc lại toàn bộ bản di chúc cho mọi người nghe, cụ Ng đã đồng ý và tự tay viết vào sau "người viết ký" trước sự chứng kiến của mọi người, suốt quá trình làm, lập di chúc cụ Ng minh mẫn, không có sự ép buộc. Sau đó ông được biết di chúc được đem ra xã ĐK chứng thực, cụ thể chứng thực ra sao ông không rõ. Năm 2005 ông Đặng Văn H đã chết. Về thửa đất số 27, diện tích 1577,7m^2 có nguồn gốc là do bố mẹ cụ Đặng Thị Ng cho, trong đó có diện tích 2.029,2m^2 nguồn gốc là do hợp tác xã Điền Sơn giao theo nhân khẩu để canh tác. Sau khi hợp tác xã không còn thì vẫn tiếp tục quản lý cho đến nay. Tại thời điểm hợp tác xã giao trong nhân khẩu có: Cụ Đặng Thị Ng, ông Nguyễn Đăng L và bà Phạm Thị Kh2 (khi đó bà Khen đã chết).

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 xác định diện tích đất tranh chấp gồm:

Thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 địa chỉ tổ 6, khối 8, phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 8 của ông Hồ Phi D; phía Nam giáp thửa số 21, 22, 23 của ông T; phía Đông tiếp giáp thửa đất số 7, 14 của ông Hoàng Văn L; phía Tây giáp thửa đất số 48 của ông Triệu Văn Điện, thửa số 12 của Nguyễn Thị Th, thửa số 183 của bà Ng, thửa số 20 đất hoang.

Thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích 1577,7m^2 địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thuộc khu quy hoạch, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số

24, 25, 26, đường đi; phía Nam giáp thửa số 28, 34 của bà Hoàng Thị M; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đường đi.

Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 27 của bà Hoàng Thị M; phía Nam giáp thửa số 29; 30; phía Đông giáp mương; phía Tây giáp thửa 34 của bà Hoàng Thị M.

Thửa số 44, tờ bản đồ 09 địa chỉ phường VT đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản định giá ngày 13/8/2019, Hội đồng định giá xác định:

Thửa đất số 13, quyền sử dụng thửa đất diện tích 2.029,2m^2 nguyên đơn, bị đơn thống nhất đất có giá trị 3.043.800.000 đồng (ba tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng); cây cối, hoa màu nằm trên thửa đất số 13 có tổng giá trị 67.184.000 đồng (sáu mươi bẩy triệu một trăm tám tư nghìn đồng).

Thửa đất số 27, trên đất có 02 nhà 3A, 01 nhà vệ sinh xây dựng năm 2013 có trị giá 180.525.000 đồng; quyền sử dụng thửa đất diện tích 1577,7m^2 có giá trị 366.100.000 đồng; vật kiến trúc, cây cối hoa màu nằm trên thửa đất số 27 có tổng giá trị 218.876.000đ (hai trăm mười tám triệu, tám trăm bẩy sáu nghìn đồng).

Thửa đất số 28, quyền sử dụng thửa đất diện tích 437,3m^2 có giá trị 26.238.000 đồng; vật kiến trúc, cây cối hoa màu nằm trên thửa đất số 28 có tổng giá trị 21.042.000đ (hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đề nghị hoãn khi có thông báo của Tòa án, bị đơn bà Hoàng Thị M có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh LS đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 125, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 158, 163 221, và Điều 235 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5, 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V về tranh chấp tài sản gắn liền với đất, chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất:

- Thửa số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2, địa chỉ tổ 6, khối 8, phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 21/12/2015. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 8 của ông Hồ Phi D; phía Nam giáp thửa số 21, 22, 23 của ông T; phía Đông tiếp giáp thửa đất số 7, 14 của ông Hoàng Văn L;

phía Tây giáp thửa đất số 48 của ông Triệu Văn Điện, thửa số 12 của Nguyễn Thị Th, thửa số 183 của bà Ng, thửa số 20 là đất hoang.

- Thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích 1.577,7m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 24, 25, 26, đường đi; phía Nam giáp thửa số 28, 34 của bà Hoàng Thị M; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đường đi.

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 24/6/1999. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 27 của bà Hoàng Thị M; phía Nam giáp thửa số 29; 30; phía Đông giáp mương; phía Tây giáp thửa 34 của bà Hoàng Thị M.

(Có sơ họa các thửa đất kèm theo)

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 44, tờ bản đồ 09, diện tích 343,4m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS mang tên hộ bà Hoàng Thị M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 và 10/01/2020 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Gi có đơn kháng cáo đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 thửa đất mà bà M đang quản lý, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M; ngày 25/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V có đơn kháng cáo; ngày 14/01/2020 và ngày 09/2/2020 bà Nguyễn Thị S (X) có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm, xác định di chúc cụ Ng lập vô hiệu, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đứng về phía nguyên đơn kháng cáo và đại diện hợp pháp của họ có mặt tại phiên tòa xác định: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là nhà, đất tại thửa số 27; chia tài sản chung đối với các thửa đất 13, 28, 44.

- Các đương sự không xuất trình bổ sung các tài liệu chứng cứ nào mới;

- Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của của các đương sự được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định; hình thức đơn kháng cáo tuân thủ quy định của BLTTDS năm 2015 là hợp lệ. Người kháng cáo là ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1 là người cao tuổi (ông Kh sinh năm 1945, bà Kh1

sinh năm 1950, bà D sinh năm 1953 và bà Lộc Thị Th1 sinh năm 1958) thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Những người kháng cáo khác đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo về việc kháng cáo. Theo quy định của BLTTDS năm 2015 đủ điều kiện xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

+ Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của BLTTDS năm 2015;

+ Những người tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự được hỏi, đối đáp, tranh luận và phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình..

Xét các nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm xác minh thu thập có trong hồ sơ, xác định:

Diện tích đất mà phía nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa liên quan phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế thuộc 04 thửa:

Thửa số 28 tờ bản đồ số 16 có diện tích 437,3m^2 tại địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS;

Thửa số 44 tờ bản đồ số 09 diện tích 343,5m^2 tại địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS;

Thửa số 13 tờ bản đồ số 05 diện tích 2.029,2m^2 tại địa chỉ Tổ 6, khối 8 phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS;

Thửa số 27 tờ bản đồ số 16 diện tích 1.577,7m^2 tại địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS. Trên đất có ngôi nhà của cụ Đặng Thị Ng xây dựng năm 1975.

Tuy nhiên đối với Thửa số 44 đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của TAND tỉnh LS đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, đối với nội dung yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất này của phía nguyên đơn thuộc trường hợp trả lại đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng ngoài yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất trên, phía nguyên đơn còn yêu cầu đối với các thửa đất số 27, số 28 và số 13. Do đó. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 44 tờ bản đồ số 09 diện tích 343,5m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Đối với thửa số 28 có diện tích 437,3m^2 và thửa số 13 diện tích 2.029,2m^2. Có nguồn gốc do HTX giao cho cụ Đặng Thị Ng để canh tác, theo lời khai của các đương sự thì cụ Ng được giao thửa đất này vào khoảng năm 1980-1981, khi đó hộ khẩu gia đình cụ chỉ có 02 người là cụ Đặng Thị Ng và ông Nguyễn Đăng L. Do đó, xác định 02 thửa đất trên là tài sản chung của cụ

Ng và ông L. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng sau khi cụ Ng chết (năm 1993) và ông L chết (năm 1994) thì bà Hoàng Thị M là người trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác, đăng ký kê khai và được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất trên nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Hoàng Thị M là có căn cứ.

+ Đối với thửa số 27 và tài sản gắn liền trên đất:

Về tài sản trên đất: Nguyên đơn xác định năm 1975, gia đình nguyên đơn xây dựng nhà và công trình phụ trên thửa đất này. Tuy nhiên, đến năm 2013 do nhà xuống cấp nên bà Hoàng Thị M đã phá nhà cũ, xây dựng nhà mới trên nền nhà cũ. Còn bị đơn thì cho rằng nhà cũ xây dựng bằng gạch cay và mái lợp Proxi măng đã bị hỏng không tận dụng được, nhà hiện nay xây bằng gạch chỉ, lợp ngói đỏ. Vì vậy tài sản tranh chấp không còn.

Về đất: Các đương sự đều thừa nhận là của bố mẹ cụ Ng để lại cho cụ Ng; cụ Ng và ông L sinh sống ổn định trên thửa đất này. Ngày 22/7/1993, cụ Đặng Thị Ng lập di chúc (do bà M viết hộ), có nội dung để lại toàn bộ nhà cửa, đất đai cho vợ chồng bà M quản lý sử dụng (BL498). Di chúc có 02 người làm chứng là ông Đặng Văn H và Đặng Văn Th1. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đăng V không thừa nhận bản di chúc nêu trên ông V gửi kèm theo đơn khởi kiện 01 bản sao (có công chứng) Bản giám định số 21/2017/TTTVGĐ-DS ghi ngày 29/6/2017 của Trung tâm tư vấn giám định dân sư thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, có nội dung giám định chữ viết, chữ ký trong giấy "Lời di chúc để lại" đứng tên Đặng Thị Ng. Bảng kết luận giám định trên đã kết luận chữ ký ghi tên Hà trong mẫu cần giám định với chữ ký ghi tên Hà trong các mẫu so sánh không do cùng một người ký ra. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tính hợp pháp của Bản di chúc lập ngày 22/9/1993 của cụ Đặng Thị Ng để xác định người hưởng di sản của cụ Ng để lại. Mà nhận định theo quy định tại Điều 1 Luật Đất đai năm 1993 "đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý" và đoạn 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/1990/NQ-HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không trở thành di sản thừa kế khi công dân chết" xác định việc cụ Ng lập di chúc để lại toàn bộ đất đai cho ông L, bà M là không đúng quy định của pháp luật. Mặc khác, Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực từ ngày 15/10/1993, di chúc được lập ngày 22/7/1993 do đó phải áp dụng Luật Đất đai năm 1987, khi đó quyền sử dụng đất chưa được coi là di sản thừa kế vì vậy di chúc là không hợp pháp. Do vậy, cần hủy án sơ thẩm phần thửa đất số 27 (trên đất có nhà cũ, năm 2013 bà M phá để xây lại) do thửa đất số 27 là di sản chia thừa kế theo pháp luật.

Từ sự phân tích, đánh giá trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy một phần bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ng là thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, địa chỉ phường VT, thành phố LS, các phần khác giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại về chia di sản thừa kế khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết bao gồm: Yêu cầu tranh chấp tài sản gắn liền với đất, chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 5, 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết đúng thẩm quyền theo Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng và đủ các đương sự trong vụ án. Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh về việc cấp Giấy chứng tử ngày 15/4/2016 và Trích lục khai tử số 7/TLKT-BS ngày 28/4/2016 (bản sao) cụ Đặng Thị Ng chết ngày 11/11/1993 nên ngày 28/2/2019 Tòa án nhân dân tỉnh LS thụ lý vụ án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, công văn số 263/TANDTC-PC ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST do Tòa án nhân dân tỉnh LS xét xử ngày 24/12/2019, ngày 25/01/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng V có đơn kháng cáo, ngày 07 và 10/01/2020 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Gi có đơn kháng cáo đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với 04 thửa đất mà bà M đang quản lý, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M; ngày 14/01/2020 và 09/02/2020 bà Nguyễn Thị S (X) có đơn kháng cáo. Xét thấy đơn kháng cáo của các đương sự nêu trên có nội dung và hình thức đúng quy định và nằm trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã nhiều lần được triệu tập hợp lệ. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, ý kiến của các đương sự và quy định tại khoản 4 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị S (X), ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Gi

Ông Nguyễn Đăng V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông V có yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của cụ Đặng Thị Ng theo pháp luật, gồm:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS;

- Thửa đất số 44, tờ bản đồ 09, diện tích 343,5m^2; địa chỉ phường VT, thành phố LS;

- Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.577,7m^2 và ngôi nhà của cụ Ng xây dựng năm 1975 có trên thửa đất số 27; địa chỉ phường VT, thành phố LS;

- Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.029,2m^2, địa chỉ tổ 6, khối 8, phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS;

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ 09, diện tích 343,4m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS: Thửa đất này đã được UBND thành phố LS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Hoàng Thị M và đã được Tòa án nhân dân tỉnh LS giải quyết tại Bản án dân sự số 59/2018/DSPT ngày 27/11/2018 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ di dời tài sản trên đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm đã quyết định đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ, đúng quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 217 và điểm c, khoản 1, Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về việc yêu cầu chia thừa kế là tài sản gắn liền với đất: Trên thửa đất số 27 tờ bản đồ 16, diện tích 1.577,7m^2 địa chỉ tại phường VT, thành phố LS, tỉnh LS (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trước đây có tài sản là nhà và các công trình phụ của cụ Ng được xây từ năm 1975. Do các công trình đã xuống cấp nên năm 2013 bà Hoàng Thị M đã phá đi và xây lại trên nền nhà cũ, bà M cho rằng gạch cay và mái lợp prôximăng đã bị hỏng không tận dụng được, nhà hiện nay được xây bằng gạch chỉ và lợp ngói đỏ. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 16/7/2019 xác định nhà và các công trình phụ xây dựng năm 2013, theo biên bản định giá tài sản ngày 13/8/2019 xác định trị giá 02 nhà 3A, 01 nhà vệ sinh do bà M xây dựng năm 2013 có trị giá 180.525.000 đồng. Do tài sản là nhà, vật kiến trúc đã được định đoạt theo di chúc của cụ Ng cho vợ chồng bà M, thực tế hiện nay cũng không còn, không xác định được giá trị, nên bản án sơ thẩm không giải quyết chia thừa kế là phù hợp, đúng thực tế.

[2.3] Về việc yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13 và thửa đất số 28:

[2.3.1] Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2: Thửa đất này có nguồn gốc của Hợp tác xã giao cho hộ cụ Đặng Thị Ng để canh tác (theo lời khai của các đương sự cụ Ng được giao khoảng năm 1980 - 1981), khi đó hộ khẩu gia đình cụ Ng chỉ có hai người gồm cụ Ng và ông L. Sau khi cụ Ng và ông L chết, bà M là người trực tiếp quản lý, sử dụng, nộp thuế, khoảng năm 1997 - 1998 nhà nước thông báo đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vào ngày 24/6/1999.

[2.3.2] Thửa đất số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2.029,2m^2 tại tổ 6, khối 8 phường ĐK, thành phố LS: Thửa đất này có nguồn gốc là của Hợp tác xã giao khoán cho ông Đinh Cao B, còn diện tích khoảng 06 sào tại khối 5 thị trấn CL, huyện CL có nguồn gốc là của ông Đinh Cao B đưa vào Hợp tác xã để làm ăn

chung. Năm 1994 ông L với ông B đổi 02 diện tích đất nêu trên để tiện cho việc sản xuất, việc đổi có lập giấy, có xác nhận của Ban chủ nhiệm của hợp tác xã Điền Sơn (BL 195). Sau khi đổi đất, ông L và bà M canh tác. Năm 1994 ông L chết, bà M tiếp tục quản lý, sử dụng, hiện nay đã xây gạch bê tông bao quanh khu đất và trồng 169 cây nhãn, 02 cây xoài. Năm 2015 bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

[2.3.3] Ông V cho rằng thửa đất số 28 và 13 nêu trên là tài sản chung do được Hợp tác xã cấp cho Hộ gia đình trong đó có ông và các anh chị em vẫn cùng chung sống và có chung hộ khẩu với cụ Ng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Theo sổ hộ khẩu gia đình cụ Ng năm 1993 và Công văn số 1144/CATP-QLHC ngày 07/10/2019 của Công an thành phố LS về việc trả lời đơn của bà Hoàng Thị Diệm (BL 655), thời điểm năm 1981-1993 hộ khẩu gia đình cụ Ng chỉ có cụ Ng và ông L. Năm 1993 cụ Ng chết, năm 1994 ông L chết, bà M tiếp tục quản lý, sử dụng, xây nhà, trồng cây, nộp thuế đối với các thửa đất thửa đất số 28 và 13 và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đúng thủ tục như: Đã tiến hành thẩm định, có chữ ký các hộ giáp ranh, được niêm yết công khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thẩm quyền, đúng đối tượng. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia tài sản chung đối với hai thửa đất số 28 và 13 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích là 1.577,7m^2. Thửa đất này có nguồn gốc là của bố mẹ cụ Ng cho cụ Ng sử dụng sau khi cụ Ng và cụ Kh3 không còn chung sống với nhau. Do đó, quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của cụ Ng. Ngày 22/7/1993 cụ Ng có di chúc cho vợ chồng ông L, bà M được thừa kế toàn bộ đất đai, nhà cửa. Xét tính hợp pháp của Di chúc này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm lập di chúc cụ Ng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt khác Luật Đất đai năm 1993 mới ban hành và chỉ có hiệu lực từ ngày 15/10/1993. Theo quy định tại Hiến pháp năm 1980 và Luật Đất đai năm 1987 đang có hiệu lực tại thời điểm cụ Ng lập di chúc thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; đoạn 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/1990/NQ-HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: "Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không trở thành di sản thừa kế khi công dân chết". Như vậy, phần nội dung di chúc của cụ Ng về việc thừa kế quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L, bà M là trái pháp luật. Bản án sơ thẩm đã nhận định nội dung di chúc của cụ Ng về việc cho ông L bà Mùi được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là trái pháp luật là đúng. Tuy nhiên lại lập luận "…Do các đương sự không yêu cầu hủy di chúc" để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với quyền sử dụng thửa đất 27 là không chính xác. Cần phải xác định quyền sử dụng thửa đất số 27 là di sản thừa kế của cụ Ng, do phần định đoạt tại di chúc liên quan đến quyền sử dụng đất trái pháp luật nên không thực hiện chia theo di chúc, do còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế, nên khi có người thừa kế yêu cầu chia thừa kế thì phải chia thừa kế theo pháp luật. Theo Thông báo số

695/TB-UBND ngày 08/7/2019 của UBND thành phố LS về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình tiểu khu tái định cư khối 9, phường VT, thành phố LS, hộ bà M bị thu hồi một phần thửa đất số 27, trong đó thuộc thửa đất số 27.1, diện tích 1.242,2m^2, thửa 27.2 diện tích 328,7m^2 do đó khi không chia thừa kế được bằng hiện vật thì chia theo giá trị quyền sử dụng đất.

Với phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội để hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến thửa đất số 27 để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đăng V, bà Nguyễn Thị S (X), ông Phạm Trọng Kh, bà Phạm Thị Kh1, bà Phạm Thị D, bà Lộc Thị Th1, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn Gi: Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh LS về việc quyết định bác yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đặng Thị Ng là quyền sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ 16, diện tích 1.577,7m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 24, 25, 26, đường đi; phía Nam giáp thửa số 28, 34 của bà Hoàng Thị M; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đường đi.

2. Giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh LS về việc:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng V về tranh chấp tài sản gắn liền đất, chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất:

- Thửa số 13, tờ bản đồ 05, diện tích 2029,2m^2, địa chỉ tổ 6, khối 8, phường ĐK, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 21/12/2015. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 8 của ông Hồ Phi D; phía Nam giáp thửa số 21, 22, 23 của ông T; phía Đông tiếp giáp thửa đất số 7, 14 của ông Hoàng Văn L; phía Tây giáp thửa đất số 48 của ông Triệu Văn Đ, thửa số 12 của Nguyễn Thị Th, thửa số 183 của bà Ng, thửa số 20 là đất hoang.

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ 16, diện tích 437,3m^2 địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị M ngày 24/6/1999. Có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 27 của bà Hoàng Thị M; phía Nam giáp thửa số 29; 30; phía Đông giáp mương; phía Tây giáp thửa 34 của bà Hoàng Thị M.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất số 44, tờ bản đồ 09, diện tích 343,4m^2, địa chỉ phường VT, thành phố LS, tỉnh LS mang tên hộ bà Hoàng Thị M.

3. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh LS để giải quyết lại việc chia thừa kế đối với phần bản án đã bị hủy theo quy định của pháp luật. Khi giải quyết vụ án sẽ xác định lại nghĩa vụ về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả ông Nguyễn Đăng V số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0001260 ngày 06/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LS.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị S (X) số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0001262 ngày 11/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LS.

- Hoàn trả anh Phạm Văn Gi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0001258 ngày 21/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LS. (bà Vi Thị Mai Ph nộp thay).

- Hoàn trả anh Phạm Văn D số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0001259 ngày 21/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LS (bà Vi Thị Mai Ph nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh LS;
- VKSND tỉnh LS;
- Cục THADS tỉnh LS;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của ĐS;
- Lưu: HCPT, VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh